

12	Điểm TBC môn Tiếng Anh	7.8	6.875	6.6							
13	Điểm TBC môn Tin học	7.7	7.43	7.6							
14	Đạo đức										
15	Tự nhiên xã hội										
16	Âm nhạc										
17	Mĩ thuật										
18	GDTC (Thể dục)										
19	Hoạt động TN										
20	Công nghệ			7.6							
21	Kĩ thuật										
22	...										

b, Khối 4,5

TT	Số liệu	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Tổng hợp kết quả của huyện/thành/thị			Tổng hợp kết quả của tỉnh			Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)
				Khối lớp 4	Khối lớp 5	Khối lớp ...	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Khối lớp..	
1	Tổng số HS/số lớp	98	119							
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế									
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế									
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế									
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế									
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên									
7	Điểm TBC các môn	7.6	7.61							
8	Điểm TBC môn Toán	7.1	7.5							
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt	8.0	8.06							
10	Điểm TBC môn Khoa học	7.9	7.69							
11	Điểm TBC môn	7.6	7.7							

	Lịch sử và Địa lý								
12	Điểm TBC môn Tiếng Anh	6.9	7.1						
13	Điểm TBC môn Tin học	7.9	7.8						
14	Đạo đức								
15	Tự nhiên xã hội								
16	Âm nhạc								
17	Mĩ thuật								
18	GDTC (Thể dục)								
19	Hoạt động TN								
20	Thủ công								
21	Kĩ thuật								
22	...								

Trong đó:

- Đối với khối 1, 2, 3 (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học).

TT	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Tổng số HS						
1	Kết quả xếp loại GD	116 (1KT)		137		95	
	HTXS	19	16.37	30	21.89	25	26.3
	Hoàn thành tốt	16	13.79	27	19.7	16	16.8
	Hoàn thành	74	63.79	77	56.2	50	52.7
	Chưa HT	6	5.17	3	2.19	4	4.2
2	HTCTLH						
	Hoàn thành	111	96.52	134	97.81	91	95.8
	Chưa hoàn thành	6	5.17	3	2.19	4	4.2
3	Khen thưởng						
	- Giấy khen cấp trường	37	31.89	57	41.6	41	43.1
	- Giấy khen cấp trên:						
	+ Cấp huyện						
	+ Cấp Tỉnh			5	3.64	4	4.2
	+ Cấp khác			5	3.64	3	3.2

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

TT	Chức danh	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV			Trình độ LLCT		
					Chưa đạt	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Đạt	Khá	Tốt	SC	TC	CC
1	Hiệu trưởng	1	1			1				1		1	
2	Phó hiệu trưởng	1				1			1			1	
3	Giáo viên	20	19		4	16			14	7	2		
4	Nhân viên	3	3			3			2	1	1		
	Cộng	25	23		4	21			17	9	3	2	
5	Cán bộ quản lý cốt cán	1	1			1				1		1	
6	Giáo viên cốt cán	1	1			1				1			
7	Giáo viên dạy giỏi cấp huyện	5	5			5				5			
8	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh												

4. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

TT		Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	26	Phòng	
1	Phòng học	18	Phòng	
a	Phòng kiên cố	18	Phòng	
b	Phòng bán kiên cố	0		
c	Phòng tạm	0		
2	Phòng học bộ môn	5	Phòng	
a	Phòng kiên cố	5	Phòng	
b	Phòng bán kiên cố	0		
c	Phòng tạm	0		
3	Khối phục vụ học tập	3	Phòng	
a	Phòng kiên cố	3	Phòng	

b	Phòng bán kiên cố	0		
c	Phòng tạm			
II	Khối phòng hành chính - quản trị	6	Phòng	
1	Phòng kiên cố	4	Phòng	
2	Phòng bán kiên cố	2	Phòng	
3	Phòng tạm	0		
III	Thư viện, thiết bị dạy học	3	Phòng	
1	Phòng thư viện	2	Phòng	
2	Phòng Thiết bị	1	Phòng	
3	Thiết bị dạy học lớp 1,2,3	4	Bộ	
4	Thiết bị dạy học lớp 4,5	7	Bộ	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	6	Khối	
1	Nhà xe GV,HS	2	Công trình	
2	Công trình vệ sinh GV	2	Công trình	
3	Công trình vệ sinh HS	2	Công trình	
V	Tài chính			
1	Nguồn không tự chủ	4.104.080.000	Đồng	
2	Nguồn tự chủ	333.860.000	Đồng	
3	Nguồn xã hội hóa	333.000.000	Đồng	

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hòa

PHỤ LỤC 2

PHÒNG GD&ĐT ĐÔ LƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠNĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**CHUẨN ĐẦU RA CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH
NĂM HỌC 2022-2023****a, Khối 1,2,3**

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Ghi chú
1	Tổng số HS/số lớp	116 (1KT)	137	95	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế				
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế				
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế				
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế				
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên				
7	Điểm TBC các môn				
8	Điểm TBC môn Toán	8.6	7.77	7.9	
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt	8.0	7.65	7.9	
10	Điểm TBC môn Khoa học				
11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý				
12	Điểm TBC môn Tiếng Anh	8.1	7.7	6.9	
13	Điểm TBC môn Tin học	7.95	7.5	7.6	
14	Đạo đức				
15	Tự nhiên xã hội				
16	Âm nhạc				
17	Mĩ thuật				
18	GDTC (Thể dục)				
19	Hoạt động TN				
20	Thủ công (CN)			7.7	
21	Kĩ thuật				
22	...				

b, Khối 4,5

TT	Số liệu	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)
1	Tổng số HS/số lớp	98	123	7.63
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế			
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế			
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế			
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế			
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên			
7	Điểm TBC các môn	7.82	7.7	
8	Điểm TBC môn Toán	7.46	7.6	
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt	8.06	8.11	
10	Điểm TBC môn Khoa học	8.06	7.7	
11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý	7.8	7.8	
12	Điểm TBC môn Tiếng Anh	7.4	7.2	
13	Điểm TBC môn Tin học	8.03	7.8	
14	Đạo đức			
15	Tự nhiên xã hội			
16	Âm nhạc			
17	Mĩ thuật			
18	GDTC (Thể dục)			
19	Hoạt động TN			
20	Thủ công			
21	Kĩ thuật			
22	...			

Trong đó:

- Đối với khối 1, 2, 3 (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học)

TT	Nội dung	Khối 1	Khối 2	Khối 3
	Tổng số HS			

		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Kết quả xếp loại GD	116 (1KT)		137		95	
	HTXS	32	27.82	31	22.63	28	29.4
	Hoàn thành tốt	20	17.39	31	22.63	18	18.9
	Hoàn thành	60	52.17	74	50.02	56	48.5
	Chưa HT	3	2.61	1	0.72	3	3.2
2	HTCTLH						
	Hoàn thành	112	97.39	136	99.28	92	96.8
	Chưa hoàn thành	3	2.6	1	0.72	3	3.2
3	Khen thưởng						
	- Giấy khen cấp trường	52	45.21	62	46.26	43	45.2
	- Giấy khen cấp trên:						
	+ Cấp huyện						
	+ Cấp tỉnh	3	2.6	6	4.37	4	4.2
	+ Cấp quốc gia	3	2.6	5	3.64	3	3.2

- Đối với khối 4, 5 (theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học).

TT	Nội dung	Khối 4		Khối 5	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Tổng số HS				
1	Kết quả xếp loại GD	98		123	
	Hoàn thành	98	100	123	100
	Chưa HT				
2	HTCTLH				
	Hoàn thành	98	100	123	100
	Chưa hoàn thành				
3	Khen thưởng				
	- Giấy khen cấp trường	51	52	47	38.2
	- Giấy khen cấp trên:				
	+ Cấp huyện	14	14.2	8	6.5
	+ Cấp tỉnh	7	7.1	8	6.5
	+ Cấp khác	9	9.1	7	5.6

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 3

PHÒNG GD&ĐT ĐỒ LƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠNĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
năm học 2022- 2023**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chuẩn chức danh	Cốt cán	Giáo viên giỏi		Trình độ LLCT
						Huyện	Tỉnh	
1	Nguyễn Thị Thu Hòa	Hiệu trưởng	Đại học	Tốt	x			TC
2	Thái Khắc Trung	Phó Hiệu trưởng	Đại học	Tốt				TC
3	Thái Thị Mai Hòa	Tổ trưởng	Đại học	Tốt		x		
4	Nguyễn Thị Thanh Bằng	GV	Đại học	Khá				
5	Phan Thị Thảo	GV	Đại học	Tốt		x		
6	Thái Thị Hóa	GV	Đại học	Khá				
7	Dương Thị Dung	Tổ phó	Đại học	Tốt		x		
8	Nguyễn Thị Long	GV	Đại học	Tốt		x		
9	Nguyễn Thị Huyền	GV	Đại học	Khá				
10	Trần Thị Hồng	GV	Đại học	Khá				
11	Nguyễn Thị Bảy	GV	Đại học	Khá				
12	Nguyễn Thị Hà	GV	Cao đẳng	Tốt				
13	Phùng Thị Hợi	Tổ phó	Cao đẳng	Tốt				
14	Thái Thị Tâm	GV	Cao đẳng	Khá				
15	Nguyễn Thị Lan	GV	Đại học	Tốt				
16	Nguyễn Thị Yên	Tổ trưởng	Đại học	Tốt		x		
17	Bùi Hồng Hải	GV	Đại học	Khá				
18	Hoàng Thị Chung	GV	Đại học	Khá				

19	Lê Thị Oanh	GV NN	Đại học	Tốt				
20	Hoàng Thị Hằng	GVNN	Đại học	Khá				
21	Thái Thị Ánh	GVMT	Đại học	Khá				
22	Nguyễn Thị Lâm	GV ÂN	Đại học	Khá				
23	Phạm Thị Hiền	Kế toán	Cao đẳng	Tốt				SC
24	Nguyễn Thị Hiền	TVTĐ-TQ	Cao đẳng	Khá				
25	Hoàng Thị Hà	YT	Trung cấp	Khá				
	Tổng	QL: 2, GV:20 NV: 3	TS: 0 ĐH : 19 Dưới ĐH: 6	Tốt:12 Khá:13 Đạt:0 CD:0				

Thịnh Sơn, ngày 20 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hòa

PHỤ LỤC 4

PHÒNG GD&ĐT ĐÔ LƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠNĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học năm học 2022 – 2023**

TT	Các công trình, trang thiết bị dạy học	Mới	Sửa chữa, cải tạo	Thời gian hoàn thành	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Mua tivi cho lớp 1	4		30/11/2022	48 000 000	Phụ huynh tài trợ	
2	Đồ dùng dạy học lớp 2,3	7		20/3/2022	10 000 000	Chi thường xuyên	
4	Nhà vệ sinh học sinh.	42 m ²		15/9/2022	121 000 000	Vận động tài trợ	
5	Bảng trượt có khung	12		30/9/2022	53 000 000	Vận động tài trợ	
6	Bàn ghế học sinh	80 bộ		15/9/2022	128 000 000	Vận động tài trợ	
7	Sửa chữa sân bóng, làm lan can.		x	30/4/2022	45 000 000	Vận động tài trợ	
8	Sửa chữa điện, quạt các phòng học. Hệ thống nguồn nước.		x	10/10/2022	15 000 000	Vận động tài trợ	
9	Thư viện Room Too ret	x		30/11/2022	30 000 000	Chi thường xuyên	
10	Trang trí phòng truyền thống	x		30/12/2022	22 000 000	Phụ huynh tài trợ	
	Tổng cộng				472 000 000		

*Thịnh Sơn, ngày 20 tháng 11 năm 2022***HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Thị Thu Hòa**

PHỤ LỤC 5

PHÒNG GD&ĐT ĐO LƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠNĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**Kết quả học tập và rèn luyện
học kì I (hoặc năm học) của học sinh nhà trường Tiểu học Thịnh Sơn****1. Khối 1,2,3**

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Tổng hợp kết quả của huyện/thành/thị			Tổng hợp kết quả của tỉnh			Ghi chú
					Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	
1	Tổng số HS/số lớp	116 (1KT)	137	95							
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế										
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế										
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế										
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế										
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên										
7	Điểm TBC các môn										
8	Điểm TBC môn Toán	8.3	7.67	7.46							
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt	7.84	7.52	7.86							
10	Điểm TBC môn Khoa học										
11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý										
12	Điểm TBC môn	7.8	6.88	6.43							

11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý	7.6	7.7							
12	Điểm TBC môn Tiếng Anh	6.9	7.1							
13	Điểm TBC môn Tin học	7.9	7.8							
14	Đạo đức									
15	Tự nhiên xã hội									
16	Âm nhạc									
17	Mĩ thuật									
18	GDTC (Thể dục)									
19	Hoạt động TN									
20	Thủ công									
21	Kĩ thuật									
22	...									

Trong đó.

- Đối với khối 1, 2, 3 (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học).

TT	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Tổng số HS						
1	Kết quả xếp loại GD	116 (1KT)		137		95	
	HTXS	24	20.86	30	21.89	23	24.2
	Hoàn thành tốt	22	19.13	27	19.7	17	17.9
	Hoàn thành	63	54.78	77	56.2	51	53.4
	Chưa HT	6	5.21	3	2.19	4	4.2
2	HTCTLH						
	Hoàn thành	109	94.79	134	79.81	91	95.8
	Chưa hoàn thành	6	5.21	3	2.19	4	4.2
3	Khen thưởng						
	- Giấy khen cấp trường						
	- Giấy khen cấp trên:						
	+ Cấp huyện			7	5.1		
	+ Cấp Tỉnh						

+ Cấp quốc gia	3	2.6	2	1.14	2	2.1
----------------	---	-----	---	------	---	-----

- Đối với khối 4, 5 (theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học)

TT	Nội dung	Khối 4		Khối 5	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Tổng số HS				
1	Kết quả xếp loại GD	98		123	
	Hoàn thành	84	85.7	119	96.7
	Chưa hoàn thành	14	14.3	4	3.3
2	HTCTLH				
	Hoàn thành			119	96.7
	Chưa hoàn thành			4	3.3
3	Khen thưởng				
	- Giấy khen cấp trường			43	34.9
	- Giấy khen cấp trên:				
	+ Cấp huyện			3	2.4
	+ Cấp tỉnh			11	8.9
	+ Cấp Quốc gia			8	6.5

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hòa

PHỤ LỤC 6

Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của phụ huynh đối với giáo viên lớp
học kì năm học 202... – 202...

TT	Giáo viên	Chưa hài lòng	Hài lòng	Hài lòng cao	Ghi chú
1	Chủ nhiệm	X		
2	Môn Toán		X	
3	Môn Văn			X
...				

PHỤ LỤC 7

Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của giáo viên về chất lượng học sinh lớp....
Năm học 202... – 202...

TT	Giáo viên	Chưa hài lòng	Hài lòng	Hài lòng cao	Ghi chú
1	Chủ nhiệm	X		
2	Giáo viên môn Toán		X	
3	Giáo viên môn Văn			X
...				

PHỤ LỤC 8

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠN

Bộ tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục nhà trường

1. Hoàn toàn không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Không ý kiến 4. Đồng ý
5. Hoàn toàn đồng ý

Nhận định	Mức độ đồng ý
1. Kết quả học tập mong đợi của Chương trình	
1.1. Kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra) được xây dựng rõ ràng, làm cơ sở để thực hiện đánh giá người học.	①②③④⑤
1.2. Kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra) được xây dựng tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường.	①②③④⑤
1.3. Chương trình được thiết kế đảm bảo mục tiêu phát triển các phẩm chất, năng lực và các kỹ năng mềm cần thiết cho học sinh.	①②③④⑤

Nhận định	Mức độ đồng ý
1.4. Kết quả học tập mong đợi phản ánh rõ ràng nhu cầu của người học và yêu cầu của phụ huynh, xã hội.	① ② ③ ④ ⑤
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đáp ứng được nhu cầu của cấp học trên hoặc thị trường lao động	① ② ③ ④ ⑤
2. Mô tả chương trình giáo dục	
2.1. Thông tin về chương trình được cung cấp đầy đủ tới GV, HS	① ② ③ ④ ⑤
2.2. Thông tin về chương trình được cập nhật thường xuyên.	
2.3. Thông tin về các môn học trong chương trình được cung cấp đầy đủ tới người dạy, người học.	① ② ③ ④ ⑤
2.4. Các thông tin liên quan đến chương trình và môn học được công bố công khai và dễ dàng tiếp cận.	① ② ③ ④ ⑤
2.5. Hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá từng môn học cụ thể được mô tả rõ ràng	① ② ③ ④ ⑤
3. Cấu trúc và nội dung chương trình giáo dục	
3.1. Chương trình được xây dựng với cấu trúc và trình tự hợp lí.	① ② ③ ④ ⑤
3.2. Cấu trúc chương trình được thiết kế tích hợp nội dung các môn có sự kết hợp và hỗ trợ lẫn nhau, đảm bảo việc đạt được kết quả học tập mong đợi cho người học	① ② ③ ④ ⑤
3.3. Nội dung chương trình có sự cân đối giữa lý thuyết thực hành trải nghiệm và các kỹ năng cần thiết cho HS.	① ② ③ ④ ⑤
3.4. Nội dung chương trình luôn được cập nhật, đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tế của giáo dục quốc gia và địa phương.	① ② ③ ④ ⑤
3.5. Chuẩn đầu ra của từng môn học thể hiện rõ mức độ đóng góp vào việc đạt được kết quả học tập mong đợi của chương trình giáo dục.	① ② ③ ④ ⑤
4. Phương thức giảng dạy và học tập	
4.1. Mục đích giáo dục, vai trò của người dạy, người học được trình bày rõ ràng và phổ biến rộng rãi.	① ② ③ ④ ⑤
4.2. Hoạt động dạy học tạo điều kiện cho người học chủ động tiếp thu những gì được truyền đạt từ GV.	① ② ③ ④ ⑤
4.3. HS được học tập trong môi trường thoải mái, thân thiện, có nhiều sự hợp tác và trợ giúp.	① ② ③ ④ ⑤
4.4. GV cung cấp những chương trình học linh hoạt, giúp HS có thể lựa chọn môn học, lộ trình học tập, phương pháp đáp ứng yêu cầu kiểm tra đánh giá và thời lượng học tập tối ưu.	① ② ③ ④ ⑤
4.5. Phương pháp dạy và học khuyến khích sáng tạo, vận dụng kiến thức và tạo động lực cho HS học tập.	① ② ③ ④ ⑤
5. Kiểm tra, đánh giá người học	
5.1. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, phù hợp với kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra)	① ② ③ ④ ⑤
5.2. Thông tin về các mốc thời gian; các phương pháp kiểm tra đánh giá được thông báo công khai tới người dạy và phổ biến tới người học.	① ② ③ ④ ⑤
5.3. Thông tin về ma trận đề thi/ bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm được thông báo công khai tới người dạy và phổ biến tới người học.	① ② ③ ④ ⑤
5.4. Các tiêu chuẩn áp dụng trong kiểm tra, đánh giá phù hợp, nhất quán trong toàn bộ chương trình GD.	① ② ③ ④ ⑤

Nhận định	Mức độ đồng ý
5.5. Hoạt động kiểm tra đánh giá có độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	① ② ③ ④ ⑤
5.6. Kết quả kiểm tra, đánh giá được gửi kịp thời và cung cấp thông tin giúp cải thiện chất lượng học tập và giảng dạy.	① ② ③ ④ ⑤
5.7. Người học có thể dễ dàng khiếu nại về kết quả kiểm tra, đánh giá.	① ② ③ ④ ⑤
5.8. Các hoạt động đánh giá thường xuyên được triển khai trong suốt quá trình, cung cấp thông tin kịp thời để điều chỉnh hoạt động dạy học.	① ② ③ ④ ⑤
6. Chất lượng đội ngũ giáo viên tham gia chương trình giáo dục	
6.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV cho chương trình GD được triển khai rộng rãi, đáp ứng nhu cầu GD của nhà trường.	① ② ③ ④ ⑤
6.2. GV có đủ số lượng và khả năng để thực hiện tốt chương trình giảng dạy.	① ② ③ ④ ⑤
6.3. Việc tuyển dụng và nâng bậc cho đội ngũ GV được thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, GD và phục vụ.	① ② ③ ④ ⑤
6.4. GV tham gia chương trình được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và năng lực.	① ② ③ ④ ⑤
6.5. Nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn cho GV được xác định, thực hiện một cách có hệ thống và triển khai các hoạt động phù hợp.	① ② ③ ④ ⑤
6.6. Việc quản lý theo kết quả công việc của GV được triển khai để khuyến khích và hỗ trợ cho giảng dạy và các hoạt động khác.	① ② ③ ④ ⑤
6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu SP ứng dụng, SKKN của GV được quy định rõ, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng chương trình GD.	① ② ③ ④ ⑤
6.8. Chương trình dạy và học được thiết kế và triển khai một cách nhất quán.	① ② ③ ④ ⑤
6.9. GV sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học và lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp nhất.	① ② ③ ④ ⑤
6.10. GV giám sát, đánh giá chất lượng của bản thân và đánh giá chất lượng môn học do mình phụ trách.	① ② ③ ④ ⑤
6.11. GV tích cực rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân để cải tiến chất lượng.	① ② ③ ④ ⑤
6.12. Năng lực của GV đáp ứng được yêu cầu của chương trình GD	① ② ③ ④ ⑤
7. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ tham gia chương trình GD	
7.1. Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, mảng công nghệ thông tin và hỗ trợ khác) được triển khai, đáp ứng nhu cầu dạy học, giáo dục.	① ② ③ ④ ⑤
7.2. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc được xác định rõ và phổ biến rộng rãi.	① ② ③ ④ ⑤
7.3. Có đủ đội ngũ cán bộ phục vụ giảng dạy như nhân viên thư viện, nhân viên phòng thí nghiệm, nhân viên hành chính,...	① ② ③ ④ ⑤
7.4. Năng lực của cán bộ hỗ trợ được xác định và đánh giá nhằm đảm bảo năng lực phù hợp với vị trí việc làm.	① ② ③ ④ ⑤
7.5. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định và có các hoạt động được triển khai phù hợp.	① ② ③ ④ ⑤

Nhận định	Mức độ đồng ý
7.6. Quản lý theo hiệu quả công việc bao gồm khen thưởng và công nhận được thực hiện để thúc đẩy và hỗ trợ cho hoạt động dạy học, giáo dục.	① ② ③ ④ ⑤
8. Chất lượng học sinh và các hoạt động hỗ trợ học sinh	
8.1. Chính sách và tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến rộng rãi và cập nhật.	① ② ③ ④ ⑤
8.2. Các phương pháp và tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ và được đánh giá hiệu quả sau mỗi kì tuyển sinh.	① ② ③ ④ ⑤
8.3. Có hệ thống giám sát tiến độ học tập, kết quả học và khối lượng học tập của học sinh hiệu quả.	① ② ③ ④ ⑤
8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua cho học sinh	① ② ③ ④ ⑤
8.5. Có những dịch vụ hỗ trợ khác dành cho học sinh, giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng vận dụng kiến thức của HS.	
8.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động GD cũng như tạo sự thoải mái cho HS.	① ② ③ ④ ⑤
9. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ chương trình giáo dục	
9.1. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ dạy và học (như hội trường, phòng học, phòng bộ môn,...) được trang bị đủ và cập nhật để hỗ trợ hoạt động GD	① ② ③ ④ ⑤
9.2. Thư viện và các nguồn học liệu được trang bị đầy đủ, chọn lọc và đảm bảo phù hợp với chương trình GD, cập nhật thường xuyên, kịp thời để hỗ trợ hoạt động DH, GD.	① ② ③ ④ ⑤
9.3. Các phòng thí nghiệm và trang thiết bị được trang bị đầy đủ và cập nhật để hỗ trợ hoạt động DH.	① ② ③ ④ ⑤
9.4. Cán bộ, GV và HS dễ dàng tiếp cận với hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng phục vụ học trực tuyến) để có thể khai thác tối đa, phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý.	① ② ③ ④ ⑤
9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện; có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của HS khuyết tật.	① ② ③ ④ ⑤
10. Hoạt động nâng cao chất lượng chương trình giáo dục	
10.1. Sử dụng kết quả khảo sát nhu cầu và thông tin phản hồi của GV, HS để phục vụ cho hoạt động thiết kế và phát triển chương trình GD nhà trường.	① ② ③ ④ ⑤
10.2. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình GD được xây dựng, đánh giá và cải tiến chất lượng.	① ② ③ ④ ⑤
10.3. Quá trình dạy và học, hoạt động kiểm tra đánh giá HS được thường xuyên rà soát, đánh giá để đảm bảo sự phù hợp và tương thích.	① ② ③ ④ ⑤
10.4. Các thành quả nghiên cứu khoa học SP, SKKN được sử dụng để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.	① ② ③ ④ ⑤
10.5. Các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ HS) được đánh giá hiệu quả định kì và thường xuyên cải tiến về chất lượng.	① ② ③ ④ ⑤

Nhận định	Mức độ đồng ý
10.6. Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi và góp ý từ cán bộ, GV, HS, cựu HS và phụ huynh có tính hệ thống và được đánh giá, cải tiến chất lượng.	① ② ③ ④ ⑤
11. Đầu ra của chương trình GD	
11.1. Chương trình cung cấp thông tin về tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học để quản lý, phân tích và có những biện pháp cải thiện.	① ② ③ ④ ⑤
11.2. Đối sánh kết quả tốt nghiệp của HS với trung bình chung của huyện, tỉnh và cả nước để có những biện pháp cải tiến chất lượng	① ② ③ ④ ⑤
11.3. Kết quả đầu vào, đầu ra của HS sau khi kết thúc năm học được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	① ② ③ ④ ⑤
11.4. Nhà trường triển khai, giám sát và đối sánh các hoạt động nghiên cứu, khởi nghiệp, sáng tạo của HS.	① ② ③ ④ ⑤
11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	① ② ③ ④ ⑤
11.6. Hỗ trợ cho HS thi chuyển cấp	① ② ③ ④ ⑤

PHỤ LỤC 9

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠN

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Các tiêu chí, chỉ báo sau đây được đánh giá bằng cách xác định rằng Ông/bà đã đáp ứng ở mức độ nào đối với tiêu chuẩn, tiêu chí cán bộ quản lý trường phổ thông:

Mức 1: Tốt

Mức 2: Khá

Mức 3: Đạt

Mức 4: Chưa đạt

(Mỗi dòng chỉ đánh dấu × vào một mức độ thích hợp)

I. Phẩm chất nghề nghiệp

Tiêu chí đánh giá		Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
1	Đạo đức nghề nghiệp				
2	Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường				
3	Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân				

II. Lãnh đạo và quản trị nhà trường

1	Phân tích và dự báo	1	2	3	4
1.1	Hiểu biết về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, địa phương				
1.2	Nắm bắt kịp thời chủ trương, chính sách và quy định của ngành giáo dục				
1.3	Phân tích tình hình và dự báo được xu thế phát triển của nhà trường				
2	Tầm nhìn chiến lược				
2.1	Xây dựng được tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường hướng tới sự phát triển toàn diện của mỗi học sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường				
2.2	Tuyên truyền, quảng bá về giá trị nhà trường; công khai mục tiêu, chương trình giáo dục, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và hệ thống văn bằng, chứng chỉ của nhà trường tạo được sự đồng thuận và ủng hộ nhằm phát triển nhà trường				
3	Thiết kế và định hướng triển khai				
3.1	Xác định được các mục tiêu ưu tiên				
3.2	Thiết kế và triển khai các chương trình hành động nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường				
3.3	Hướng mọi hoạt động của nhà trường vào mục tiêu nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh, nâng cao hiệu quả làm việc của các thầy cô giáo, động viên, khích lệ mọi thành viên trong nhà trường tích cực tham gia xây dựng trường học tốt				
3.4	Chủ động tham gia và khuyến khích các thành viên trong trường tích cực tham gia các hoạt động xã hội				
4	Quyết đoán, có bản lĩnh đổi mới				
4.1	Có khả năng ra quyết định đúng đắn, kịp thời và giám chịu trách nhiệm về các quyết định nhằm đảm bảo cơ hội học tập				

	cho mọi học sinh, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường				
4.2	Khởi dậy và nuôi dưỡng động lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp				
4.3	Quản trị xung đột, tạo sự hợp tác và đồng thuận thực hiện sự nghiệp đổi mới GD và các chương trình nhà trường				
5	Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường				
5.1	Tổ chức xây dựng kế hoạch của nhà trường phù hợp với tầm nhìn, chiến lược phát triển và các chương trình hành động của nhà trường				
5.2	Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đáp ứng CT GDPT 2018				
5.3	Tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch của nhà trường				
6	Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh				
6.1	Tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình nhà trường, chương trình môn học, chương trình tăng cường đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất năng lực học sinh				
6.2	Tuyển sinh, tiếp nhận học sinh đúng quy định, làm tốt công tác quản lý học sinh				
6.3	Chỉ đạo thực hiện chương trình các môn học đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất năng lực học sinh theo chuẩn đầu ra				
6.4	Chỉ đạo hoạt động dạy học và đánh giá nhằm phát triển năng lực học sinh theo chuẩn đầu ra, phù hợp đặc điểm văn hóa, năng lực học sinh của địa phương.				
6.5	Tổ chức hoạt động dạy học của giáo viên theo yêu cầu đổi mới, phát huy dân chủ, khuyến khích sự sáng tạo của từng giáo viên, của các tổ bộ môn và tập thể sư phạm của trường				
6.6	Thực hiện giáo dục toàn diện, phát triển tối đa tiềm năng của người học, để mỗi học sinh có phẩm chất đạo đức làm nền tảng cho một công dân tốt, có khả năng định hướng vào một lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp với tiềm năng sẵn có của mình và nhu cầu của xã hội				
7	Quản trị nhân sự trong nhà trường				
7.1	Xây dựng, quy định trách nhiệm cho các thành viên nhà trường rõ ràng và hoạt động hiệu quả				

7.2	Quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng và thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên, cán bộ và nhân viên				
7.3	Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ và nhân viên đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, đảm bảo thực hiện chiến lược nhà trường				
7.4	Xây dựng môi trường làm việc đồng thuận, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, CB, nhân viên phát huy tiềm năng, sáng kiến xây dựng nhà trường, xây dựng đoàn kết ở từng đơn vị và trong toàn trường; mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo, đóng góp tích cực vào đảm bảo chất lượng giáo dục nhà trường				
8	Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường				
8.1	Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường hoạt động hiệu quả				
8.2	Quản trị văn thư, hồ sơ, sổ sách, tài liệu, lưu trữ theo đúng quy định				
8.3	Xây dựng các quy trình hoạt động, thủ tục hành chính của trường theo qui định hiện hành và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính				
9	Quản trị tài chính nhà trường				
9.1	Hiểu biết hoạt động của bộ máy kế toán của trường, chỉ đạo bộ phận kế toán xây dựng kế hoạch về tài chính, tài sản, có biện pháp bảo đảm cân đối để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của trường				
9.2	Thực hiện đúng chế độ thủ trưởng, kế toán, thủ quỹ				
9.3	Thực hiện và kiểm tra, giám sát kế hoạch nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản theo qui định hiện hành, đảm bảo công khai, minh bạch				
9.4	Chỉ đạo xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và giám sát việc thực hiện				
9.5	Khả năng thực hiện xã hội hóa nguồn lực tài chính				
10	Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và công nghệ trong giáo dục của nhà trường				
10.1	Đánh giá thuận lợi và khó khăn về KT-XH của địa phương đã tác động đến việc huy động và quản lý cơ sở vật chất của trường				

10.2	Hiểu và vận dụng đúng các quy định của Nhà nước và của địa phương về quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.				
10.3	Huy động kinh phí từ các nguồn khác nhau (Nhà nước, cộng đồng, các tổ chức xã hội khác) tại địa phương để đầu tư CSVC, TBDH phục vụ giáo dục và dạy học.				
10.4	Phân bổ hợp lý tài lực cho mua sắm CSVC&TBDH, phương tiện hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao phù hợp với bản sắc văn hoá địa phương.				
10.5	Tổ chức hướng dẫn sử dụng hiệu quả CSVC&TBTH; đồng thời biết tận dụng những hiện vật, di sản văn hoá có sẵn của địa phương làm học liệu dạy học.				
10.6	Xây dựng, điều hành hiệu quả các hoạt động của thư viện, phòng thí nghiệm như trang bị, sử dụng, cất giữ, bảo quản, thanh lý và tận dụng công suất.				
11	Đảm bảo chất lượng giáo dục trong nhà trường				
11.1	Xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục nhà trường				
11.2	Hướng dẫn, chỉ đạo nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định				
11.3	Tham gia đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục do Phòng và Sở tổ chức				
12	Hỗ trợ đồng nghiệp và cơ sở giáo dục khác trong quản trị nhà trường				
12.1	Hỗ trợ cán bộ quản lý trường phổ thông phát triển năng lực lãnh đạo và quản trị nhà trường theo chuẩn hiệu trưởng				
12.2	Tổ chức triển khai hoạt động tự bồi dưỡng, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên cốt cán và cán bộ quản lý theo Cụm trường.				
12.3	Đánh giá nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cốt cán và cán bộ quản lý trường phổ thông để tham mưu cho cơ quan quản lý giáo dục tổ chức bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018.				
12.4	Phổ biến, chia sẻ sáng kiến, kinh nghiệm về quản trị nhà trường cho cán bộ quản lý.				

III. Xây dựng môi trường giáo dục

Tiêu chí đánh giá		Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
1	Xây dựng văn hóa nhà trường				
1.1	Định hướng giá trị, xây dựng văn hóa ứng xử				
1.2	Xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường				
2	Thực hiện dân chủ cơ sở ở trong nhà trường				
3	Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường				
3.1	Xây dựng nếp sống văn hóa và môi trường sư phạm				
3.2	Tạo cảnh quan trường học xanh, sạch, đẹp, vệ sinh, an toàn và lành mạnh				
3.3	Xây dựng thư viện xanh, thư viện mở đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và phục vụ cộng đồng.				
3.4	Tổ chức phối hợp với các đoàn thể và các lực lượng trong cộng đồng xã hội nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, tạo dựng niềm tin, giá trị đạo đức, văn hóa và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh				

IV. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội

Tiêu chí đánh giá		Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
1	Phối hợp thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh, giáo dục học sinh				
1.1	Phối hợp tham gia các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho HS của các bên liên quan				
1.2	Kết nối, chia sẻ thông tin giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục HS				
1.3	Phối hợp ra các quyết định về hoạt động dạy học, giáo dục HS				
1.4	Phối hợp tham gia đánh giá sự phát triển của HS				
2	Phối hợp huy động và sử dụng nguồn lực phát triển nhà trường				

V. Sử dụng công nghệ thông tin

Tiêu chí đánh giá		Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
1	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị nhà trường				
2	Chỉ đạo và triển khai thực hiện số điểm điện tử, học bạ, sổ liên lạc điện tử, giáo án, bài giảng điện tử..				
3	Chỉ đạo và triển khai thực hiện dạy học trực tuyến				

PHỤ LỤC 10

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG (TRUNG TÂM)...**

Số:...../QĐ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 202...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ đảm bảo chất lượng năm học 202... - 202...

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC) TRƯỜNG (TRUNG TÂM)

Căn cứ Thông tư số ... /TT-BGDĐT ngày / / của Bộ GDĐT về việc

ban hành Điều lệ Trường;

Căn cứ Kế hoạch số 1722/KH-SGD&ĐT, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số /SGD&ĐT-KTKĐCLGD, ngày ... tháng 9 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện công tác đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ đảm bảo chất lượng Trường (Trung tâm)..... gồm các ông (bà) (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ:

- Xây dựng dự thảo Kế hoạch đảm bảo chất lượng trình Hiệu trưởng thẩm định, ban hành.

- Tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch đảm bảo chất lượng (nếu có).

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, xây dựng báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác đảm bảo chất lượng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các tập thể và cá nhân có liên quan, các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ quan chủ quản (để b/c);
- Lưu: ...

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên và đóng dấu)

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN TỔ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số ... ngày tháng năm của ...)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1			Tổ trưởng
2			Tổ phó
3			Thư ký
4			Ủy viên
5			Ủy viên
...			

PHỤ LỤC 11

Phân công nhiệm vụ Tổ đảm bảo chất lượng năm học 202...-202...

TT	Nội dung về ĐBCL	Nhóm công tác, cá nhân phụ trách	Ghi chú
1	Phân tích yếu tố bên trong, bên ngoài nhà trường	
2	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, mục tiêu chương trình giáo dục	
3	Xác định chuẩn đầu ra	
4	Chương trình giáo dục	
5	Xây dựng văn hóa nhà trường	
6	Phát triển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	
7	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học		
8	Khảo sát giáo viên, phụ huynh, học sinh, các bên liên quan về các hoạt động nhà trường		
...	...		

PHỤ LỤC 12

(Bìa ngoài)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG.....

**KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
NĂM HỌC 202... - 202...**

TÊN HUYỆN / THÀNH PHỐ/THỊ XÃ..... - (NĂM.....)

(Bìa trong)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG.....**

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN TỔ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1			Tổ trưởng	

2			Tổ phó	
3			Thư ký	
4			Ủy viên	
5			Ủy viên	
...				

TÊN HUYỆN/THÀNH PHỐ/ THỊ XÃ... - (NĂM.....)

PHỤ LỤC 13

**KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 202... - 202...**

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích
2. Yêu cầu
3. Căn cứ xây dựng kế hoạch

II. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Đảm bảo các yếu tố bối cảnh
2. Xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục
3. Đảm bảo các yếu tố đầu vào
4. Đảm bảo chất lượng quá trình dạy học và giáo dục
5. Đảm bảo yếu tố đầu ra

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Tổ đảm bảo chất lượng
2. Lãnh đạo nhà trường
3. Các tổ chức, đoàn thể

3. Giáo viên, nhân viên

....., ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 14

PHÒNG GD&ĐT ĐO LƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch ĐBCL nhà trường năm học 2022–2023

TT	Nội dung kế hoạch	Kinh phí thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Phân tích nhu cầu, bối cảnh nhà trường	500 000	Ngân sách	
2	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, mục tiêu chương trình giáo dục	500 000	Ngân sách	
3	Xác định chuẩn đầu ra	850 000	Ngân sách	
4	Chương trình giáo dục	450 000	Ngân sách	
5	Xây dựng văn hóa nhà trường	5 000 000	Ngân sách	
6	Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	5 200 000	Ngân sách và KP cá nhân	
7	Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	435 500 000	Ngân sách, tài trợ, các nhà hảo tâm	
8	Công tác kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch	1 000 000	Ngân sách	
9	Khảo sát giáo viên, phụ huynh, học sinh, các bên liên quan về các hoạt động nhà trường	1 700 000	Ngân sách	
10	Công tác sơ kết, tổng kết, khen thưởng	6 500 000	Ngân sách	
	Tổng	457 200 000		

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hòa

PHỤ LỤC 15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Trường phòng GD-ĐT Đô Lương

Tôi tên là: Nguyễn Thị Thu Hòa Chức vụ: Hiệu trưởng

Trường: Tiểu học Thịnh Sơn – Đô Lương – Nghệ An

Tôi xin cam kết đảm bảo chất lượng nhà trường năm học 2022 – 2023 với các nội dung sau:

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối Lớp 4	Khối Lớp 5	Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)
1	Tổng số HS/số lớp	116 (1KT)	137	95	98	125 (2 KT)	7.63
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế						
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế						
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế						
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế						
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên						
7	Điểm TBC các môn						
8	Điểm TBC môn Toán	8.6	7.77	7.9	7.82	7.6	
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt	8.0	7.65	7.9	8.06	8.11	
10	Điểm TBC môn Khoa học				8.06	7.7	
11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý				7.8	7.8	
12	Điểm TBC môn	8.1	7.7	6.9	7.4	7.2	

	Tiếng Anh						
13	Điểm TBC môn Tin học	7.95	7.5	7.6	8.03	7.8	
14	Đạo đức						
15	Tự nhiên xã hội						
16	Âm nhạc						
17	Mĩ thuật						
18	GDTC (Thẻ đục)						
19	Hoạt động TN						
20	Thủ công						
21	Kĩ thuật						
22	...						

Trong đó:

- Đối với khối 1, 2, 3 (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học)

TT	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Tổng số HS						
	Kết quả xếp loại GD	116(1KT)		137		95	
1	HTXS	32	27.82	31	22.63	28	29.4
	Hoàn thành tốt	20	17.39	31	22.63	18	18.9
	Hoàn thành	60	52.17	74	50.02	56	48.5
	Chưa HT	3	2.61	1	0.72	3	3.2
2	HTCTLH						
	Hoàn thành	112	97.39	136	99.28	92	96.8
	Chưa hoàn thành	3	2.6	1	0.72	3	3.2
3	Khen thưởng						
	- Giấy khen cấp trường	52	45.21	62	46.26	43	45.2
	- Giấy khen cấp trên:						
	+ Cấp huyện						
	+ Cấp Tỉnh	3	2.6	6	4.37	4	4.2
	+ Cấp khác	3	2.6	5	3.64	3	3.2

- Đối với khối 4, 5 (theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học).

TT	Nội dung	Khối 4		Khối 5	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Tổng số HS				
1	Kết quả xếp loại GD	98		125 (2 KT)	
	Hoàn thành	98	100	123	100
	Chưa HT				
2	HTCTLH				
	Hoàn thành	98	100	123	100
	Chưa hoàn thành				
3	Khen thưởng				
	- Giấy khen cấp trường	51	52	47	38.2
	- Giấy khen cấp trên:				
	+ Cấp huyện	14	14.2	8	6.5
	+ Cấp tỉnh	7	7.1	8	6.5
	+ Cấp khác	9	9.1	7	5.6

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hòa

PHỤ LỤC 18

PHÒNG GD&ĐT ĐÔ LƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊNH SƠN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 17 /BC-TH

Thịnh Sơn, ngày 08 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO **VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG** **NĂM HỌC 2022 - 2023**

Thực hiện Kế hoạch số 683/KH-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Trường Tiểu học Thịnh Sơn báo cáo về việc thực hiện công tác ĐBCL trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2022 - 2023 như sau:

1. Đặc điểm, tình hình, thuận lợi, khó khăn:

1.1. Về địa phương:

Xã Thịnh Sơn có tổng diện tích tự nhiên là 781,7 ha , có 1653 hộ và 6150 nhân khẩu. Xã được chia thành 5 xóm là xóm Đại Đồng, xóm Yên Thế, xóm Vạn Phúc, Xóm Thịnh Tâm và xóm Hội Tâm. Nghề nghiệp của người dân chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi, Tỷ lệ hộ nghèo là 56 hộ chiếm 3,38% , hộ cận nghèo là 70 hộ chiếm 4,2%

Hệ thống chính trị Đảng, chính quyền, đoàn thể từ xã đến các xóm đoàn kết đồng thuận nhất trí cao mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, không có điểm nóng, vấn đề nổi cộm xảy ra trên địa bàn. Đặc biệt cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, các đoàn thể và nhân dân xã Thịnh Sơn luôn quan tâm, chăm lo đến công tác giáo dục. Tuy nhiên điều kiện kinh tế của địa phương còn gặp nhiều khó khăn nên việc đầu tư cơ sở vật chất cho các cấp học phần nào còn hạn chế.

1.2 Về đội ngũ CBQL, GV, NV:

Tổng số CB, GV, NV: 30 Nữ: 28; Biên chế: 24 Nữ: 22 (QL: 2, GV: 20, NV: 2); Hợp đồng huyện: 1 (nhân viên thư viện), Hợp đồng trường: 5 (Giáo viên: 5)

Đảng viên: 20 Nữ: 18, trong đó: Quản lý: 2 ; GV: 16 ; Nhân viên: 2,

Trình độ chuyên môn: Quản lý: Đại học: 2 ; Giáo viên: Đại học: 21 Cao đẳng: 3 ; Trung cấp: 1; Nhân viên: Cao đẳng: 2, Trung cấp: 1

Trình độ chính trị: Quản lý: Trung cấp: 2; Giáo viên: Sơ cấp : 2

1.3. Về học sinh.

Khối	Số lớp	Tổng Số HS		Số HS Bán trú		Lưu ban	Khuyết tật	Con TB BB	Con HN CN	Ngoại Xã Huyện Tỉnh	Con DT, CG
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ						
1	4	117	53	112	51	2	1	1	2+5	5	
2	4	136	55	131	54	2		1	1+3	10	
3	3	95	52	87	47				1+4	9	
4	3	98	45	90	41				1+0	4	1
5	4	125	62	101	49		2		2+4	7	1
Tổng	18	571	267	521	242	4	3	2	7+16	35	

1.4. Thuận lợi.

- Hệ thống văn bản như kế hoạch và hướng dẫn của Sở Giáo dục và đào tạo đầy đủ, được cung cấp về trường kịp thời.

- Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ an và Phòng Giáo dục đào tạo Đô Lương đã tổ chức tập huấn 2 đợt cho Hiệu trưởng về phương pháp và quy trình thực hiện công tác ĐBCL năm học 2022-2023 cụ thể.

- Hệ thống mẫu biểu như đề cương ĐBCL, các phụ lục được Phòng Giáo dục cung cấp về cho các trường đầy đủ.

- CBQL có nhận thức tốt về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác ĐBCL trong trường Tiểu học đối với việc nâng cao chất lượng.

- Giáo viên thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của tổ ĐBCL nhà trường, khảo sát thực trạng tốt và xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học cụ thể.

1.5. Khó khăn.

- Công tác ĐBCL là vấn đề mới nên CBQL có nhiều nội dung chưa hiểu rõ nên khó khăn trong công tác xây dựng kế hoạch ĐBCL của nhà trường.

- Công tác ĐBCL phải được xây dựng từ đầu năm học và căn cứ thực trạng kết quả giáo dục của năm học trước nhưng một số môn học Toán, Tiếng Việt của lớp 1 và các môn Khoa học, lịch sử, địa lý của khối 4 không có điểm từ cuối năm học trước nên khó khăn trong việc xác định thực trạng và xây dựng chuẩn đầu ra.

- Công tác ĐBCL cần nhiều kinh phí để tổ chức thực hiện việc nâng cao chất lượng giáo dục; học tập, nâng cao trình độ của giáo viên; xây dựng cơ sở vật chất nhà trường nhưng kinh phí của nhà trường hạn hẹp nên việc bổ sung, xây dựng CSVC gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện.

2. Những công việc đã triển khai

- CBQL, đặc biệt là Hiệu trưởng đã tham gia các buổi tập huấn đầy đủ, nghiên cứu kỹ các văn bản của cấp trên, nhất là các kế hoạch, hướng dẫn, đề cương, phụ lục.

- Triển khai tập huấn cho toàn thể CBQL, GV, NV vào ngày 12 tháng 11 năm 2022.

- Ra quyết định thành lập tổ Đảm bảo chất lượng đúng thành phần như hướng dẫn.

- Hội đồng DBCL để phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ DBCL.

- Tổ DBCL xây dựng các mẫu biểu theo hướng dẫn.

- Hướng dẫn giáo viên hoàn thành các mẫu biểu theo quy định.

- Tổng hợp các mẫu biểu của giáo viên và hoàn thành các mẫu biểu trong phụ lục.

- Phối hợp phụ huynh tổ chức khảo sát mức độ hài lòng về giáo viên trong năm học 2022-2023.

- Tham mưu UBND về việc xây dựng CSVC để thực hiện thành công kế hoạch DBCL

- Xây dựng kế hoạch DBCL năm học 2022-2023.

- Công bố kế hoạch DBCL và công khai chuẩn đầu ra năm học 2022-2023 tại cuộc họp hội đồng vào ngày 03/12/ 2022 và treo công khai tại phòng họp giáo viên.

3. Những kết quả đạt được

- 100% CB, GV, NV nhà trường được tập huấn đầy đủ và nhận thức tốt về tầm quan trọng của công tác kiểm định.

- 100% giáo viên đã xác định đúng thực trạng chất lượng giáo dục của học sinh và xây dựng được chuẩn đầu ra sát thực trạng chất lượng giáo dục học sinh trong năm học 2022-2023.

- 100% phụ huynh được tham gia khảo sát và biết được chuẩn đầu ra của con em mình tại lớp học năm học 2022-2023.

- Tổ DBCL đã hoàn thành xây dựng kế hoạch DBCL năm học 2022-2023, hoàn thành tập phụ lục theo hướng dẫn.

- 100% CB, GV, NV và phụ huynh biết được chuẩn đầu ra cần đạt được

4. Kế hoạch, phương hướng trong năm học tới.

- Thực hiện các giải pháp trong kế hoạch để đảm bảo hoàn thành chuẩn đầu ra theo cam kết.

- Tiếp tục tham mưu UBND xã đầu tư xây dựng CSVC để thực hiện công tác DBCL.

- Tổ DBCL tiến hành kiểm tra việc thực hiện của các tổ chuyên môn, của giáo viên để đảm bảo chuẩn đầu ra theo kế hoạch.

- Bổ sung vào quy chế khen thưởng những cá nhân tích cực và hoàn thành và vượt các chỉ tiêu theo cam kết chuẩn đầu ra trong kế hoạch.

5. Kiến nghị, đề xuất

- Phòng Giáo dục kiểm tra và tư vấn về công tác ĐBCL cụ thể cho các trường Tiểu học.

- Đề nghị PGD&ĐT tham mưu UBND huyện Đô Lương cấp bổ sung ngân sách thực hiện công tác ĐBCL để các trường thực hiện việc mua sắm trang thiết bị dạy học, bổ sung CSVC đảm bảo hoàn thành kế hoạch ĐBCL và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Thu Hòa